

Số: 156/TM-VNLMT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

## THƯ MỜI

V/v báo giá vật tư, hóa chất cho đề tài “Ứng dụng các giải pháp tăng cường quá trình xử lý và thu hồi amoni trong nước thải làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón”, mã số KC.06.06/21-30

Căn cứ Quyết định số 3428/QĐ-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ ngành công nghiệp môi trường”, mã số KC.06/21-30 ;

Căn cứ Hợp đồng thực hiện đề tài số 06/2025/HĐ-KC.06/21-30 ngày 01/10/2025 “Ứng dụng các giải pháp tăng cường quá trình xử lý và thu hồi amoni trong nước thải làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón”, mã số KC.06.06/21-30;

Căn cứ Thuyết minh đề tài “Ứng dụng các giải pháp tăng cường quá trình xử lý và thu hồi amoni trong nước thải làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón”, mã số KC.06.06/21-30;

Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường kính mời các đơn vị cung cấp vật tư, hóa chất gửi cho Viện xin báo giá danh mục vật tư, hóa chất cụ thể như phụ lục kèm theo về địa chỉ như sau:

Địa chỉ: Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 02437569136

Email: [vanthu@istee.vast.vn](mailto:vanthu@istee.vast.vn)

Thời gian nhận báo giá: trước ngày 18/3/2026

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (đề b/c);
- Lưu VT, CN, Đ.03.



**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Quang Ninh

**PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT**

(Kèm theo Thư mời số **...** /TM-VNLMT ngày **10** tháng **5** năm 2026)

TT	Tên nguyên vật liệu, dụng cụ	Đặc tính kỹ thuật, quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1.	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Độ tinh khiết >95%, chai 1 lít	Chai	88
2.	K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub>	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	3
3.	(NH <sub>4</sub> ) <sub>2</sub> Fe(SO <sub>4</sub> ) <sub>2</sub> .6H <sub>2</sub> O	Độ tinh khiết >95%, lọ 500 gam	Lọ	3
4.	C <sub>12</sub> H <sub>8</sub> N <sub>2</sub> .H <sub>2</sub> O	Độ tinh khiết >95%, lọ 10 gam	Lọ	12
5.	Ag <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	6
6.	C <sub>7</sub> H <sub>6</sub> O <sub>3</sub> Na	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	20
7.	C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> O <sub>7</sub> Na <sub>3</sub> .2H <sub>2</sub> O	Độ tinh khiết >95%, lọ 1000 gam	Lọ	6
8.	[Fe(CN) <sub>5</sub> NO]Na <sub>2</sub> .2H <sub>2</sub> O	Độ tinh khiết >95%, lọ 25 gam	Lọ	2
9.	NaOH	Độ tinh khiết >95%, lọ 1000 gam	Lọ	10
10.	C <sub>2</sub> N <sub>3</sub> O <sub>3</sub> Cl <sub>2</sub> Na.2H <sub>2</sub> O	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	1
11.	NH <sub>4</sub> Cl	Độ tinh khiết >95%, lọ 500 gam	Lọ	3
12.	CH <sub>3</sub> COOH	Độ tinh khiết >95%, chai 500 ml	Chai	3
13.	NaN <sub>3</sub>	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	1
14.	EDTA	Độ tinh khiết >95%, lọ 250 gam	Lọ	8
15.	H <sub>3</sub> PO <sub>4</sub>	Độ tinh khiết ≥85%, chai 500ml	Chai	3
16.	NH <sub>2</sub> C <sub>6</sub> H <sub>4</sub> SO <sub>2</sub> NH <sub>2</sub>	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	3
17.	C <sub>10</sub> H <sub>7</sub> - NH-CH <sub>2</sub> -CH <sub>2</sub> -NH <sub>2</sub> -2HCl	Độ tinh khiết >95%, lọ 25 gam	Lọ	1
18.	NaNO <sub>2</sub>	Độ tinh khiết >95%, lọ 100 gam	Lọ	21
19.	Ca(OH) <sub>2</sub>	Độ tinh khiết >95%, lọ 1000 gam	Lọ	4
20.	HCl đậm đặc	Độ tinh khiết >35%, chai 1 lít	Chai	16
21.	KCl 3.5M	Chai 500ml	Chai	1
22.	Dung dịch bảo quản điện cực	Chai 500ml	Chai	3
23.	Dung dịch rửa điện cực	Chai 500ml	Chai	3
24.	Dung dịch chuẩn pH 4.01	Chai 500ml	Chai	3
25.	Dung dịch chuẩn pH 7.01	Chai 500ml	Chai	3
26.	Dung dịch chuẩn pH 10.01	Chai 500ml	Chai	3
27.	Bình tia	Dung tích 500ml Vật liệu bằng nhựa	Bình	18
28.	Giấy lọc 0,45 μm	Lỗ lọc 0,45 μm, hộp 100 tờ	Hộp	64
29.	Găng tay thí nghiệm	Chất liệu cao su, hộp 100 cái	Hộp	22
30.	Găng tay cao su	Chất liệu: cao su	Đôi	35
31.	Can nhựa	Vật liệu: nhựa HDPE Dung tích: 30L	Cái	25



TT	Tên nguyên vật liệu, dụng cụ	Đặc tính kỹ thuật, quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32.	Chai nhựa 500 mL	Vật liệu: nhựa Dung tích: 500ml	Cái	2000
33.	Pipet thẳng 5ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 5ml	Cái	20
34.	Pipet thẳng 10ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 10ml	Cái	20
35.	Phễu lọc	Vật liệu: thủy tinh	Cái	25
36.	Tam giác 100ml không nút	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 100ml Bình tam giác không nút	Cái	25
37.	Tam giác 250ml có nút	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 250ml Bình tam giác có nút	Cái	25
38.	Quả bóp cao su kép	Vật liệu: cao su	Cái	15
39.	Cốc đong 100ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 100ml	Cái	25
40.	Cốc đong 50ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 50ml	Cái	25
41.	Buret 50ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 50ml	Cái	15
42.	Bình định mức 100ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 100ml	Cái	25
43.	Bình định mức 250ml	Vật liệu: thủy tinh Dung tích: 250ml	Cái	25
44.	Áo blu	Vật liệu: vải màu trắng	Cái	35

